

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VY
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2018/HS-ST
Ngày 10 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VY, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng;

- Ông Phạm Xuân Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VY.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 48/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 24/7/1990, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn LM, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Ng và bà Nguyễn Thị Sen; vợ là Bùi Thị Nh; con: Có 01 người con sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: 01. Tại bản án số 55/HSST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện VT xử phạt Nguyễn Hồng Q 15 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Đang thi hành theo Quyết định thi hành án phạt tù số 136 ngày 30/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT. Bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2018 đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Khánh Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: Đội phân trại quản lý phạm nhân- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

2. Anh Đào Quốc T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu dân cư MC, phố Núi, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Anh Phùng Quang Đ, sinh năm 1976; nơi cư trú: Đội phân trại quản lý phạm nhân- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn TT, xã TP, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Công Ng, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn LM, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

6. Chị Bùi Thị Nh, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn LM, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

7. Anh Đặng Văn Q (Q K), sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn CT, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

8. Anh Lê Minh H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn ĐX, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

9. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Núc Hạ, xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện VT mở phiên tòa xét xử và tuyên phạt Nguyễn Hồng Q 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (bản án số 55/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT). Ngày 30/10/2017, Tòa án nhân dân huyện VT đã ra quyết định thi hành án phạt tù đối với Nguyễn Hồng Q. Ngày 26/12/2017, Nguyễn Hồng Q được phân loại chấp hành án ở Đội 1, phân trại quản lý phạm nhân thuộc Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 15/01/2018, phạm nhân Q được điều chuyển từ Đội 1 đến Đội 3 của phân trại do cán bộ quản giáo Đào Quốc T được phân công quản lý. Đội 3 có 16 phạm nhân cải tạo.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 22/01/2018, anh Đỗ Văn H1 (là chiến sỹ Ng vụ của Trại tạm giam được phân công hỗ trợ quản giáo) đến khu nhà N để hỗ trợ dẫn giải phạm nhân đội số 3 đi lao động ở Lô sản xuất 3 của Trại tạm giam (là nơi ngoài khu vực giam, giữ). Anh H1 thấy quản giáo T không trực, chưa đến cơ quan làm việc nên chủ động ký nhận phạm nhân vào “Sổ theo dõi xuất, nhập phạm nhân hàng ngày” ở cổng nhà N và bắt gác cổng Trại tạm giam để dẫn giải phạm nhân sang lô, trong đó có phạm nhân Nguyễn Hồng Q. Anh Phùng Quang Đ là cán bộ được phân công trực gác cổng nhà N, do đang dẫn phạm nhân đội 1 quét sân ở khu nhà hành chính nên không kiểm tra người dẫn giải và số phạm nhân của Đội 3. Khoảng 07 giờ cùng ngày, anh Đào Quốc T đến lô sản xuất đã thấy anh H1 dẫn 16 phạm nhân sang lô để lao động cải tạo nên nhắc anh H1 ở nhà quản lý phạm nhân để T đi công tác cùng Giám thị. Anh Nguyễn Khánh Th là đội trưởng đội phân trại đã biết kế hoạch công tác trên của anh T và khi xuống Đội phân trại đã biết được 16 phạm nhân đội 3 đã được dẫn giải sang lô. Tuy nhiên, do tin tưởng số phạm nhân trên đã được sàng lọc, có tư tưởng ổn định, cải tạo tốt, không vi phạm nên anh Th và anh T không báo cáo đề xuất Ban giám thị

Trại tạm giam để có biện pháp tăng cường cán bộ giám sát phạm nhân, đảm bảo an toàn.

Sau khi đến lô sản xuất, các phạm nhân lao động theo sự phân công của anh H1, Q được phân công học mã má phanh (vì công việc của lô này là giữa má phanh), dọn dẹp và rửa bát. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, có 03 người quen của 02 phạm nhân Trương Văn Man, sinh năm 1984 ở xã HS, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn Phương, sinh năm 1977 ở xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc vào thăm gặp. Lợi dụng có người đến thăm gặp phạm nhân, anh H1 không để ý, Q đã lén sử dụng điện thoại di động gọi cho Đặng Văn Q (thường gọi Q K, mục đích rủ Q K xuống lô sản xuất chơi, Q K nói không có tiền thì Q bảo cứ đi taxi xuống Q trả. Q K đồng ý, rồi gọi xe taxi hãng 59.59.59 do anh Đặng Thế Anh, sinh năm 1986 ở xã TQ, huyện TĐ là lái xe đi từ nhà đến Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc. Lúc này, phạm nhân Man và Phương xin phép cho những người bạn đến thăm ở lại ăn cơm cùng tại lô sản xuất thì được anh H1 đồng ý. Một lúc sau, Q K đi đến cổng lô sản xuất thì Q ra đón và trả 200.000đ tiền xe taxi rồi bảo anh Thế Anh chờ, mục đích để chờ Q K về. Khi vào lô, Q K đồng ý ở lại ăn thịt chó cùng mọi người thì Q đi ra cổng xin số điện thoại của anh Thế Anh, bảo khi nào cần thì gọi quay lại. Lúc này Q nảy sinh ý định gọi điện rủ Lê Minh H là bạn xuống lô sản xuất uống rượu nhưng do không có số điện thoại nên Q mượn Q K điện thoại, gọi rủ H xuống lô sản xuất uống rượu, H trả lời không xuống được vì đang đi chơi cùng L.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày 22/01/2018, các phạm nhân lao động xong nghỉ ăn trưa. Anh Lương Văn Mạnh, sinh năm 1991 ở phường Tích Sơn, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (là chủ quán thịt chó Mạnh Bệu) mang 01 mâm thịt chó vào lô sản xuất, anh Nông mang vào trong phòng ở của anh T ăn. Tại đây có 09 người gồm: Q, Q K, các phạm nhân Phương, Man, Thanh, Sự và người nhà đến thăm phạm nhân là Phùng Văn Nông, Dương Văn Lâm và Hào Thị Lan ngồi ăn thịt chó và lấy rượu có sẵn trong phòng khách uống (không biết của ai, do ai mang đến). Còn 11 phạm nhân khác ăn cơm ở lán của lô sản xuất 3 theo chế độ quy định, anh H1 không ăn mà nằm nghỉ trong buồng. Trong lúc ăn uống cùng mọi người, Q thấy chỉ có mình anh H1 trông coi, quản lý phạm nhân, lại đang ở trong buồng nên nảy sinh ý định trốn khỏi nơi giam để đi tìm gặp bạn gái là Hà Phương Quỳnh (tên gọi khác là Linh), sinh năm 2001, ở thôn Mai Thành, xã Mai Phan, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đang có thai sắp sinh con với Q. Khoảng 11 giờ 20 cùng ngày, Q đi ra sân phía trước nhà xưởng mới xây dựng của lô rồi gọi điện cho anh Thế Anh lái xe taxi quay lại đón Q. Lúc này Q nảy sinh ý định vay tiền của L để chi phí dọc đường nên Q vẫy gọi Q K ra để xin số điện thoại của H, mục đích Q hỏi H và L đang ở đâu để Q đến gặp và vay tiền. Sau đó Q gọi điện thì H nói đang ở quán karaoke Đồi Sim ở xã MQ, huyện TĐ. Sau đó, Q rủ Q K “đi ra ngoài này lấy tiền cùng anh tỳ”, Q K hỏi

“anh đi thế này có việc gì không?”, Q nói dối “anh ra lấy tiền gần đây thôi, xong về luôn, không việc gì đâu”, Q K nghe Q nói vậy đã tin tưởng đi cùng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, anh Thế Anh lái xe đến lô sản xuất, Q bảo chở đến quán karaoke Đồi Sim ở xã MQ, huyện TĐ. Khi đến quán Đồi Sim, Q trả tiền taxi cho anh Thế Anh là 200.000đ. Khi gặp H và L, Q không hỏi vay tiền anh L. Lúc này Q vẫn có ý định trốn đi Lạng Sơn tìm gặp Quỳnh nhưng không nói cho ai biết. Q rủ Q K và H đi lấy tiền, H và Q K nghĩ Q đi lấy được tiền rồi quay về trại giam nên tin tưởng đi cùng. Cả 03 người lên xe taxi do anh Lê Minh Khôi, sinh năm 1991 ở xã TQ, huyện TĐ, đang đỗ chờ khách gần quán Đồi Sim, Q bảo anh Khôi chở đi Bắc Ninh, sau đó L cũng lên xe đi cùng. Dọc đường đi, đến thị trấn Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Q K thấy Q bỏ trốn đi xa khỏi nơi giam giữ nên đã động viên Q quay trở về nhưng Q không nghe. Thấy vậy, Q K xuống xe taxi, không đi cùng Q và mọi người nữa mà bắt xe khách về nhà. Lúc này trên xe còn lại H, L và Q, H và L thấy Q bỏ trốn đi xa khỏi nơi giam giữ nên 02 người đã động viên, khuyên Q quay trở về nhưng Q không nghe. Khi đi đến thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, H và L không đi cùng Q nữa nên bảo anh Khôi chở về nhà. Q xuống xe taxi và trả công cho anh Khôi là 500.000đ, rồi một mình bắt xe khách đến thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tìm gặp Quỳnh. Trên đường đi, Q vào cửa hàng ven đường bán chiếc điện thoại Iphone 5S được 2.000.000đ. Khi đến thành phố Lạng Sơn Q không tìm được Quỳnh và sống lang thang ở đó. Đến ngày 08/02/2018, ông Nguyễn Công Ng, là bố đẻ Q đi tìm đã gặp Q trên đường nên động viên và đưa Q đến Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc đầu thú về hành vi phạm tội. Cùng ngày Trại tạm giam bàn giao Nguyễn Hồng Q cho Công an thành phố VY để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 23/01/2018, Cơ quan Công an thành phố VY thu giữ của Đặng Văn Q 01 điện thoại di động Nokia 1280, màu xanh, bên trong lắp sim 0964.090.850; 01 điện thoại di động Iphone 6plus, màu trắng, bên trong lắp sim 01649.963.333.

Cùng ngày 23/01/2018, Cơ quan công an thành phố VY quyết định trưng cầu giám định yêu cầu trích xuất toàn bộ cuộc gọi đi, đến, nhớ và nội dung tin nhắn của 02 điện thoại thu giữ của Đặng Văn Q. Tại Kết luận giám định kết luận: Quá trình kiểm tra trên bảng in dữ liệu kèm theo không phát hiện cuộc gọi đi, đến, nhớ với số máy 0914.262.662 của Nguyễn Hồng Q và không thể hiện nội dung tin nhắn nào với Q.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKSND VY ngày 20/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VY đã truy tố Nguyễn Hồng Q về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan ông Nguyễn Công Ng và chị Bùi Thị Nh quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận: Khi biết thông tin Nguyễn Hồng Q bỏ trốn khỏi nơi giam, ông Ng đã nhiều lần liên lạc với Q để động viên Q ra đầu thú nhưng không liên lạc được đến ngày 05/02/2018 ông biết được thông tin Q đang ở Lạng Sơn lên đã đi đến Lạng Sơn để tìm và sau đó đã gặp Q ở khu vực quảng trường thành phố Lạng Sơn nên ông Ng đã động viên Q ra đầu thú. Chị Nh xác nhận ngày 14/01/2018 khi đến thăm Q ở trại giam có đưa cho Q 01 điện thoại, mục đích để Q liên lạc với người thân (do Q nói trong lô sản xuất được phép sử dụng điện thoại), việc Q bỏ trốn chị Nh không biết và trong thời gian Q bỏ trốn không liên lạc gì với chị.

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên (từ bút lục 211 đến bút lục 238; từ bút lục 259 đến bút lục 281 và từ bút lục 282 đến bút lục 295).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Q phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”. Áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 01 năm 6 tháng tù đến 02 năm tù. Tổng hợp 6 tháng 27 ngày tù còn lại của Bản án số 55/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án từ 02 năm 27 ngày tù đến 02 năm 6 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/02/2018.

Bị cáo Nguyễn Hồng Q không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hồng Q tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi và Ng vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và H1 quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 22/01/2018, tại lô sản xuất của phân trại quản lý phạm nhân Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc thuộc phường HH, thành phố VY, lợi dụng sơ hở trong quá trình trông coi, quản lý phạm nhân của Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Hồng Q đã bỏ trốn ra ngoài. Sau khi trốn khỏi Trại tạm giam, Q lang thang trên địa bàn

thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 08/02/2018, Q đến Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hồng Q đã phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ giam, giữ, cải tạo phạm nhân, đồng thời xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu đã có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, trong thời gian đang thi hành án, lợi dụng sự sơ hở của cán bộ quản lý đã bỏ trốn khỏi nơi giam giữ, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Ngoài ra, cần tổng hợp với phần hình phạt còn lại 06 tháng 27 ngày tù chưa chấp hành của Bản án số 55/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 Bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Đối với những người có liên quan trong vụ án: Đối với Đặng Văn Q (Q K), quá trình điều tra xác định ngày 22/01/2018, Q K đến lô sản xuất, mục đích

thăm Q, sau đó Q nói dối rủ đi cùng lấy tiền gần khu vực giam giữ rồi về luôn, Q K tin tưởng đi cùng Q, không biết mục đích Q trốn trại. Trên đường đi Bắc Ninh, Q K biết Q bỏ trốn đi xa khỏi nơi giam giữ nên đã động viên Q quay về trại tạm giam nhưng Q không nghe nên không đi cùng Q nữa, không biết Q đi đâu, làm gì. Đối với Lê Minh H và Phạm Văn L, quá trình điều tra xác định sau khi đi cùng Q mới biết Q bỏ trốn khỏi nơi giam, giữ nên đã can ngăn, khuyên bảo Q quay về nhưng Q không nghe nên 02 người bỏ về nhà, không biết Q đi đâu, làm gì. Xét thấy hành vi của Đặng Văn Q, Lê Minh H và Phạm Văn L không đồng phạm với Nguyễn Hồng Q về tội “Trốn khỏi nơi giam”, không đủ yếu tố cấu thành tội “Che dấu tội phạm”, “Không tố giác tội phạm” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Khánh Th là Đội trưởng đội phân trại quản lý phạm nhân, đối với anh Phùng Quang Đ là cán bộ trực gác công phân trại có nhiệm vụ giám sát việc ra, vào công phân trại của các phạm nhân phải có quản giáo trích xuất và nhận bàn giao đúng quy định. Tuy nhiên, do các anh Th, T và Đ tin tưởng các phạm nhân có tư tưởng lao động, cải tạo ổn định, không bỏ trốn, đã giao cho Đỗ Văn H1 là chiến sỹ Ng vụ, dẫn giải, quản lý, trông coi 16 phạm nhân tại lô sản xuất, quá trình trông coi phạm nhân tại lô sản xuất đã để Nguyễn Hồng Q lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Tuy nhiên, Nguyễn Hồng Q đã đầu thú trong giai đoạn điều tra, vụ án không bị tạm đình chỉ, thời gian Q bỏ trốn không thực hiện hành vi phạm tội khác nên hành vi nêu trên của các cán bộ Th, T, Đ và H1 không cấu thành tội phạm tH trách nhiệm để người đang chấp hành án phạt tù bỏ trốn. Tuy nhiên hành vi đó của Nguyễn Khánh Th, Đỗ Quốc T, Phùng Quang Đ và Đỗ Văn H1 vi phạm quy định về quản lý phạm nhân của ngành Công an nên Công an thành phố VY đã có công văn số ngày 224 ngày 19/3/2018 báo cáo Giám đốc công an tỉnh Vĩnh Phúc để xử lý theo quy định của ngành Công an đối với Nguyễn Khánh Th, Đỗ Quốc T, Phùng Quang Đ và Đỗ Văn H1, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với anh Đặng Thế Anh và anh Lê Minh Khôi là người lái xe taxi, quá trình điều tra xác định anh Thế Anh và anh Khôi chở khách đi theo yêu cầu của khách hàng, không biết mục đích Q bỏ trốn khỏi nơi giam nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn Công Ng là bố đẻ của Q, Bùi Thị Nh là vợ của Q và Hà Phương Quỳnh là bạn gái của Q. Quá trình điều tra xác định sau khi biết Q bỏ trốn khỏi nơi giam, ông Ng, chị Nh, chị Quỳnh không giúp sức cho việc Q bỏ trốn, đã vận động Q đầu thú, là người thân của Q nên không cấu thành tội “Che giấu tội phạm” và “Không tố giác tội phạm”, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[4] Về vật chứng: Đối với 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 và Iphone 6plus thu giữ của Đặng Văn Q, quá trình điều tra xác định là tài sản của

Q, sử dụng để liên lạc với người thân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 20/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Q. Đặng Văn Q nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với 02 chiếc điện thoại do Đặng Văn Q và Lê Minh H dùng liên lạc với Q, quá trình điều tra xác định: Đặng Văn Q sử dụng điện thoại Nokia 1280, lắp sim 01696073867 liên lạc với Q, sau khi liên lạc với Q xong do hết tiền nên đã vứt bỏ sim, còn chiếc điện thoại Cơ quan điều tra đã thu giữ để phục vụ điều tra, sau khi giám định xong đã trả lại cho Đặng Văn Q. Còn chiếc điện thoại do H sử dụng để liên lạc với Q, H làm rơi mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 5S, Q sử dụng để liên lạc trong quá trình bỏ trốn khỏi nơi giam. Quá trình điều tra xác định điện thoại này là của chị Bùi Thị Nh (là vợ Q) đưa cho Q ngày 14/01/2018, mục đích để Q sử dụng liên lạc với người thân. Q nói với chị Nh trong lô sản xuất được phép sử dụng điện thoại nên chị Nh tin tưởng và đưa điện thoại cho Q sử dụng. Q cất giấu điện thoại tại mái chuồng lợn của lô sản xuất, tránh sự kiểm soát của cán bộ quản giáo. Trên đường bỏ trốn đến thành phố Bắc Ninh, Q đã bán chiếc điện thoại trên để lấy tiền đi thành phố Lạng Sơn bỏ trốn, Q không nhớ bán cho cửa hàng cụ thể nào nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Chị Nh không biết Q sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với số tiền do Q trả tiền taxi cho anh Đặng Thế Anh và anh Lê Minh Khôi là 900.000đ, quá trình điều tra xác định là tiền của Q cất giấu trong người do bạn bè, người thân các lần vào thăm gặp cho Q, gia đình Q không biết Q sử dụng vào mục đích trốn khỏi nơi giam nên không đề cập xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q 02 (hai) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt còn lại chưa chấp hành của Bản án số 55/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện VT là 06 tháng 27 ngày tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng 27 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/02/2018.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Hồng Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người có quyền lợi và Ng vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền

lợi và Ng vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- Công an thành phố VY;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án VY;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung